

6. PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1 000

PHÉP CỘNG KHÔNG NHỚ TRONG PHẠM VI 1 000 (2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện được phép cộng không nhớ trong phạm vi 1 000 bằng cách đặt tính.
- Thực hiện cộng nhầm các số tròn trăm.
- Vận dụng giải bài toán có lời văn.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống

Phẩm chất: yêu nước.

B. Thiết bị dạy học

GV và HS: Các thẻ trăm, thanh chục, các khối lập phương rời (như phần bài học).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

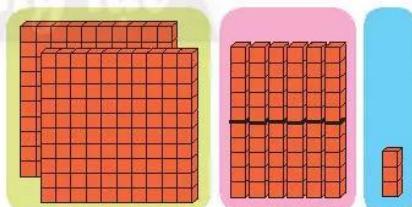
GV tổ chức cho HS hát hoặc chơi để khởi động.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu phép cộng (không nhớ) dạng số có ba chữ số cộng với số có một chữ số

HS hoạt động nhóm đôi.

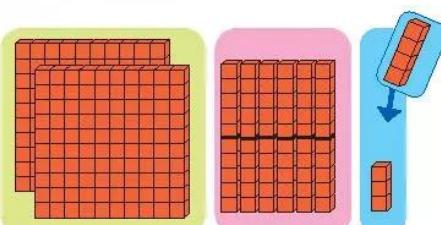
- GV đặt vấn đề: $263 + 4 = ?$
- HS **hình thành** số 263 từ bộ ĐDHT (HS lấy 2 thẻ trăm; 6 thanh chục và 3 khối lập phương rời).



– HS **tự suy nghĩ** sẽ sử dụng thao tác nào để có kết quả $263 + 4$? (thao tác gộp 4 khối lập phương với 3 khối lập phương).

- HS **thông báo** kết quả: $263 + 4 = 267$.

$$263 + 4 = ?$$



– GV nhận xét với thao tác trên ĐDDH, HS đã thực hiện gộp các khối vuông 3 đơn vị và 4 đơn vị trước. Sau đó GV nêu sự cần thiết phải xếp tính dọc khi thực hiện phép tính. (Không thể cứ dùng các thẻ bìa để tìm ra kết quả với các số có nhiều chữ số.)

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

- **Đặt tính:** Viết số này dưới số kia sao cho đơn vị thẳng cột với đơn vị, viết dấu cộng, kẻ vạch ngang.
- **Cộng:** Cộng đơn vị với đơn vị. Các chữ số còn lại hạ xuống (tức là làm từ phải sang trái).

$$\begin{array}{r}
 & 2 & 6 & 3 \\
 + & 2 & 6 & 4 \\
 \hline
 & 2 & 6 & 7
 \end{array}$$

• 3 cộng 4 bằng 7, viết 7.

• Hạ 6, viết 6.

• Hạ 2, viết 2.

$$263 + 4 = 267$$

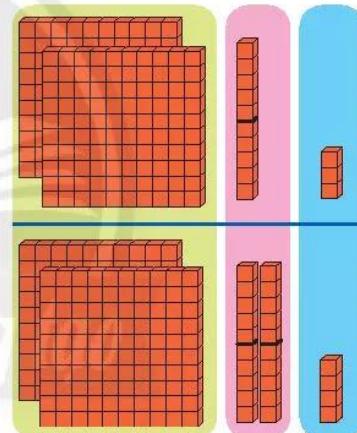
– **So sánh** với kết quả khi thực hiện bằng ĐDHT, khẳng định sự thuận lợi khi thực hiện phép cộng theo cách đặt tính.

– Gọi vài HS **nêu** lại cách đặt tính và tính.

2. Giới thiệu phép cộng (không nhớ) dạng số có ba chữ số cộng với số có ba chữ số

- GV đặt vấn đề: $213 + 224 = ?$
- HS đặt tính rồi tính (bảng con).
- HS dùng ĐDHT để kiểm tra lại kết quả vừa tính.

$$213 + 224 = ?$$



- HS nêu kết quả: $213 + 224 = 437$.
- GV cho HS so sánh với kết quả đã làm khi thực hiện tính dọc. (Lưu ý HS nào làm sai kết quả, GV hướng dẫn để HS tự điều chỉnh.)
- GV kết luận: Khi cộng số có ba chữ số với số có ba chữ số ta thực hiện như sau:
- **Đặt tính:** Viết số hàng này dưới số hàng kia sao cho số đơn vị dưới số đơn vị; số chục dưới số chục; số trăm dưới số trăm.
- **Cộng:** Cộng từ phải sang trái.

$$\begin{array}{r}
 & 2 & 1 & 3 \\
 + & 2 & 2 & 4 \\
 \hline
 & 4 & 3 & 7
 \end{array}$$

• 3 cộng 4 bằng 7, viết 7.

• 1 cộng 2 bằng 3, viết 3.

• 2 cộng 2 bằng 4, viết 4.

$$213 + 224 = 437$$

3. Thực hành

- GV yêu cầu HS làm bảng con: Đặt tính rồi tính:
 $361 + 417$; $530 + 56$; $203 + 6$.
- GV nhận xét và chỉnh sửa việc đặt vị trí các số đơn vị, số chục, số trăm cùng thẳng cột với nhau.

LUYỆN TẬP

Bài 1: Hoạt động cá nhân

– GV hướng dẫn HS thực hiện theo mẫu để tính nhẩm, xem trăm là đơn vị đếm.

Như vậy: $600 + 100$

GV nêu: $6 \text{ trăm} + 1 \text{ trăm} = 7 \text{ trăm}$

$$600 + 100 = 700$$

– HS hoạt động cá nhân: nêu nhẩm tương tự cho các bài trong SGK.

– GV gọi kiểm tra việc tính nhẩm của HS.

* Lưu ý: $10 \text{ trăm} = 1 \text{ nghìn}$ (HS đã học).

Bài 2: Hoạt động nhóm đôi

– GV yêu cầu HS **tính** (HS có thể đặt tính rồi tính; hoặc HS có thể tính miệng từng hàng để ra kết quả). Sau đó **so sánh** với kết quả bạn kế bên.

Bài 3: Hoạt động nhóm bốn

– HS **quan sát, nhận biết** ba số liên kết với nhau theo các đường nối sẽ tạo thành sơ đồ tách – gộp: số trên là tổng hai số ngay dưới nó.

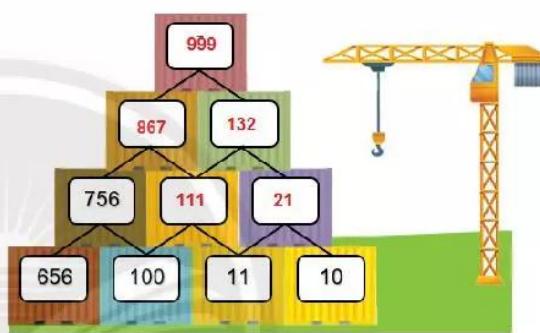
Ví dụ: $656 + 100 = 756$.

– HS cùng **hợp tác** trong nhóm để hoàn thành bài tập, lưu ý chỉ tìm được số trên khi biết cả hai số ngay dưới.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **nêu** lại cách tính.

– Mở rộng: GV có thể giới thiệu:

- Vai trò của hàng hai đối với nước ta.
- Công dụng của các thùng chứa hàng (bài 1, bài 3).



Bài 4: Hoạt động cá nhân

– GV yêu cầu HS:

- Tìm hiểu bài toán trước khi làm vào vở (cho gì? hỏi gì?)
- Tìm cách giải bài toán
- Giải bài toán vào vở

Bài giải

Số kiện hàng cả hai tàu chở tất cả:

$$150 + 223 = 373 \text{ (kiện hàng)}$$

Đáp số: 373 kiện hàng.

– Lưu ý khi sửa bài GV hỏi để HS nêu được thao tác gộp cả hai tàu để có kiện hàng tất cả.

Bài 5: Hoạt động nhóm bốn

– GV yêu cầu HS trao đổi cách làm trong nhóm để tìm quãng đường từ cảng Sa Kỳ đến cảng Gianh (đi qua cảng Tiên Sa).

– HS nêu phép tính và câu trả lời:

$$134 + 235 = 369$$

Trả lời: Quãng đường từ cảng Sa Kỳ đến cảng Gianh (đi qua cảng Tiên Sa) dài 369 km.

Lưu ý: Khi sửa bài GV nên khuyến khích HS **trình bày** cách giải quyết vấn đề. GV nhận xét phần trình bày và kết luận của HS.

ĐẤT NUỐC EM

– GV giới thiệu về 3 cảng trên:

- **Cảng Sa Kỳ** là cảng biển và cũng là một trong năm cửa biển của tỉnh Quảng Ngãi.
Là cảng đón khách ra đảo Lý Sơn.
- **Cảng Tiên Sa** là một cảng biển tại thành phố Đà Nẵng.
- Sông Gianh là một biểu trưng địa lí của tỉnh Quảng Bình. Cửa sông có cảng biển gọi là **Cảng Gianh**.

– GV yêu cầu HS tìm vị trí tỉnh Quảng Ngãi, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Bình trên bản đồ (SGK trang 114).

Hoạt động thực tế

Ngoài 3 cảng được nêu trong bài 5, em hãy tìm thêm tên vài cảng biển khác ở nước ta.